

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Ngọc Thái (Tổng Chủ biên), Vũ Thị Liên Hương (Chủ biên)
Lê Tấn Cúc, Nguyễn Thị Trâm Châu, Trần Ngọc Đẩu, Nguyễn Được, Bùi Thị Hạnh, Huỳnh Nguyên Huy,
Trương Thị Thu Hương, Võ Thị Thuý Nga, Lê Văn Lợi, Trần Thị Phúc Nguyên, Trần Thị Kim Phượng,
Huỳnh Tấn Phiển, Huỳnh Trung Sơn, Ngô Văn Tâm, Nguyễn Văn Tươi, Võ Thị Mộng Tuyền,
Lê Thị Nhật Thảo, Ngô Thị Phương Thảo, Hà Tấn Thọ, Nguyễn Thị Mỹ Thuận, Huỳnh Thị Thu Thủy,
Nguyễn Thị Minh Thư, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Bùi Văn Vàng, Nguyễn Đắc Vương

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp 9

MỤC LỤC

Chủ đề	NỘI DUNG	Trang
1	Quảng Ngãi từ năm 1918 đến nay	6
2	Di tích lịch sử tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi	15
3	Một số vấn đề dân cư và kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi	24
4	Tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	34
5	Thực hành cùng bạn chọn nghề cho tương lai phù hợp xu thế phát triển các ngành nghề tại Quảng Ngãi	40
6	Hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở tỉnh Quảng Ngãi	45
7	Ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi	54

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 9 bao gồm 7 chủ đề thể hiện những nội dung cơ bản của văn hoá địa phương, gắn liền với các hoạt động trải nghiệm cụ thể.

Mục tiêu biên soạn của tài liệu này nhằm trang bị cho học sinh những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... giúp học sinh hiểu biết về nơi mình sinh sống, từ đó giáo dục cho học sinh về đạo đức, lối sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

Mỗi chủ đề thường có 4 phần: *Mở đầu – Kiến thức mới – Luyện tập – Vận dụng* kết hợp với hình ảnh minh hoạ cụ thể, sống động, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận nội dung cuốn tài liệu và thực hành các hoạt động một cách hào hứng, thoải mái, nắm bắt nhanh những thông điệp qua từng nội dung, hoạt động và vận dụng vào thực tế một cách tự nhiên, phù hợp, chính xác.

Ban biên soạn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và bạn đọc để tài liệu đạt chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

CÁC TÁC GIẢ

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng sách



MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số nội dung liên quan đến chủ đề, định hướng việc tổ chức các hoạt động học.



KIẾN THỨC MỚI

Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chủ đề.



LUYỆN TẬP

Củng cố, ôn tập kiến thức trong chủ đề cho học sinh.



VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức đã học để bày tỏ quan điểm của mình về nội dung qua nhiều hình thức: tham quan thực tế, trò chơi, nêu cảm nghĩ.

LƯỚI ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Khái quát được những nét chính về quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ của nhân dân Quảng Ngãi từ năm 1930 đến năm 1975.
- Nêu được quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1975 đến nay.
- Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Quảng Ngãi trong lịch sử, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



MỞ ĐẦU

Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, cùng với các địa phương khác trên cả nước, phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi tiếp tục phát triển với nhiều hình thức. Tuy nhiên, các cuộc đấu tranh đó đều lâm vào khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930) và sau đó là Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (3/1930) đã tạo nên bước ngoặt trong quá trình đấu tranh giành độc lập của nhân dân Quảng Ngãi. Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, quân và dân Quảng Ngãi đã kiên cường, anh dũng đấu tranh, đóng góp nhiều thắng lợi quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và đế quốc Mỹ xâm lược (1954 – 1975).

Ngày 24/3/1975 trở thành mốc son chói lọi đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng và kháng chiến của Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi khi đồng loạt tổng tiến công



H1.1. Cờ giải phóng tung bay trước Toà thị chính tỉnh vào ngày 24/3/1975

giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà, góp phần vào thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Từ ngày giải phóng, nhất là sau khi tái lập tỉnh (1989), Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy tối đa những tiềm năng, lợi thế của địa phương để bứt phá vươn lên mạnh mẽ trên hành trình đổi mới, hội nhập và phát triển cùng cả nước.



Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Quảng Ngãi đã diễn ra những sự kiện lịch sử gì nổi bật? Nêu ý nghĩa lịch sử của những sự kiện đó.



1. Quá trình thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi vẫn tiếp diễn nhưng đều thất bại. Trong bối cảnh đó, những hoạt động yêu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có tác động mạnh đến tư tưởng của những thanh niên tiến bộ lúc bấy giờ, họ đứng ra thành lập một số tổ chức yêu nước như: Hội Thiếu niên Ái quốc, Công ái xã,... nổi bật là việc thành lập Tỉnh Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi (năm 1927).



Hình 1.2. Nguyễn Nghiêm
(1904 – 1931)

Năm 1929, trong xu thế ba tổ chức cộng sản nối tiếp ra đời ở Việt Nam, Tỉnh Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi quyết định thành lập tổ chức Dự bị Cộng sản. Đây là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập tổ chức cộng sản ở Quảng Ngãi.

Sau Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 3/1930, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi được thành lập do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư.

Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi mở ra một bước ngoặt mới trong phong trào cách mạng ở địa phương. Từ đây, cuộc đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi đã có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của một tổ chức cách mạng tiên phong.



Trình bày quá trình thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Sự thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi có ý nghĩa như thế nào?

2. Quảng Ngãi trong phong trào đấu tranh chống đế quốc – phong kiến từ năm 1930 đến năm 1945.

a) Phong trào cách mạng (1930 – 1931)

Ngay từ khi mới được thành lập, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã phát động và tổ chức thắng lợi phong trào “chia lửa với Xô viết Nghệ – Tĩnh” mà đỉnh cao là cuộc biểu tình chiếm Huyện đường của hơn 3 000 đồng bào huyện Đức Phổ vào ngày 8/10/1930 do đồng chí Nguyễn Nghiêm lãnh đạo. Sau đó, phong trào cách mạng đã lan rộng mạnh mẽ, quyết liệt đều khắp các huyện lỵ ở Quảng Ngãi.



*Hình 1.3. Phù điêu
cuộc biểu tình chiếm
Huyện đường Đức Phổ*

Cuối năm 1930, thực dân Pháp tăng cường khủng bố dã man, đồng chí Nguyễn Nghiêm bị địch bắt và xử chém vào ngày 23/4/1931. Mặc dù bị đàn áp nhưng làn sóng đấu tranh của nhân dân vẫn tiếp diễn một thời gian rồi tạm thời lắng xuống.

Cao trào cách mạng 1930 – 1931 chứng tỏ sức đấu tranh mãnh liệt của nhân dân Quảng Ngãi và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, Trung ương Đảng đã khẳng định: “...Rồi tới Quảng Ngãi, tuy phong trào chưa bằng Nghệ – Tĩnh nhưng nó vẫn mạnh nhất trong phía Nam Trung Kỳ”.



1. Năm 1930, Đảng bộ Quảng Ngãi đã phát động và tổ chức nhân dân Quảng Ngãi tiến hành phong trào “chia lửa với Xô viết Nghệ – Tĩnh” như thế nào?
2. Vì sao Trung ương Đảng đã khẳng định: “...Rồi tới Quảng Ngãi, tuy phong trào chưa bằng Nghệ – Tĩnh nhưng nó vẫn mạnh nhất trong phía Nam Trung Kỳ”?

b) Phong trào dân chủ (1936 – 1939)

Trước sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị Trung ương Đảng (7/1936) đã đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương là đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình. Thực hiện chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời lãnh đạo nhân dân chuyển hướng đấu tranh với nhiều hình thức như: hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội (1936), đón tiếp Gôđđa (1937) và đưa dân nguyện, đấu tranh trên lĩnh vực báo chí, đấu tranh nghị trường,... Qua phong trào, lực lượng chính trị được mở rộng, uy tín và ảnh hưởng của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ngày càng được nâng cao.



Mô tả những nét chủ yếu về phong trào cách mạng 1936 – 1939 ở Quảng Ngãi.

c) Phong trào giải phóng dân tộc, tiến tới Cách mạng tháng Tám và thành lập chính quyền cách mạng (1939 – 1945)

Bước sang năm 1939, nhận định tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động bất lợi cho cách mạng, Đảng bộ Quảng Ngãi đã kịp thời đề ra chủ trương và hành động cách mạng sáng tạo, phù hợp với thực tiễn.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp. Mặc dù Trung ương Đảng chưa ban hành chỉ thị: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” nhưng Tỉnh uỷ lâm thời vẫn quyết định chớp thời cơ, phát động nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền ở Ba Tơ (11/3/1945). Đội Du kích Ba Tơ được thành lập, trở thành lực lượng vũ trang đầu tiên của tỉnh, lực lượng tiền thân của quân đội nhân dân ở Nam Trung Bộ.

Ngày 14/8/1945, khi nghe tin Nhật sắp đầu hàng Đồng minh, Tỉnh uỷ nhanh chóng quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh.

Ngày 16/8/1945, cuộc khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền cách mạng các cấp được thành lập. Quảng Ngãi trở thành một trong những tỉnh tiến hành khởi nghĩa sớm nhất trong cả nước và giành thắng lợi nhanh chóng, trọn vẹn, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 trong cả nước.



Hình 1.4. Cuộc mít tinh biểu tình



Phong trào giải phóng dân tộc tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Ngãi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra như thế nào?

3. Quảng Ngãi trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975).

a) Quảng Ngãi trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), Quảng Ngãi là vùng tự do, hậu phương, căn cứ địa vững chắc của Liên khu V.

Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo nhân dân bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám, củng cố chính quyền cách mạng, trừng trị bọn phản động; giải quyết các khó khăn về kinh tế, văn hoá, xã hội; thực hiện tốt nhiệm vụ “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”; tăng cường thực lực chính trị, vũ trang cách mạng, bảo vệ các vùng tự do và cung cấp sức người, sức của cho các chiến trường của Liên khu V, Tây Nguyên, Nam Bộ, Hạ Lào, Đông Bắc Campuchia,...



Hình 1.5. Cử tri Quảng Ngãi tham gia bầu cử Quốc hội khoá I, ngày 6/01/1946

Những đóng góp của nhân dân Quảng Ngãi đã góp phần cùng với cả nước hoàn thành công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954.

Em có biết?

Ngày 30/12/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh số 149/SL, tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì cho cán bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.



Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi đã có những đóng góp như thế nào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954)?

b) Quảng Ngãi trong thời kì kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

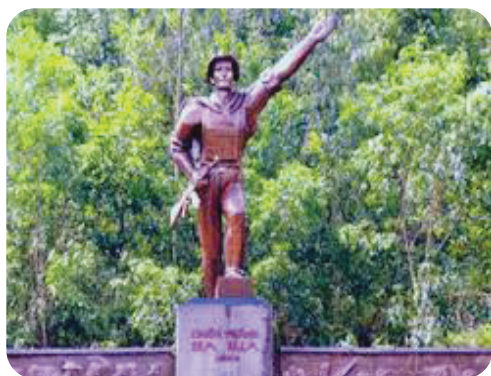
Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Quảng Ngãi đặt dưới ách thống trị của chính quyền Sài Gòn. Mặc dù đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ra sức phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, bắt bớ và tàn sát nhân dân vô tội thông qua các chính sách “tổ cộng”, “diệt cộng”, thực hiện nhiều loại hình chiến tranh ngày càng ác liệt, khủng bố tàn khốc phong trào cách mạng, gây nhiều tổn thất cho nhân dân ta nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi vẫn kiên cường, bền bỉ đấu tranh, bảo tồn lực lượng cách mạng, sớm xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, xây dựng và mở rộng căn cứ, làm nên những chiến thắng vang dội, đánh dấu những mốc son quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng quê hương, tiến tới giải phóng và thống nhất đất nước.

Các thắng lợi tiêu biểu của nhân dân Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

28/8/1959 khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi giành thắng lợi, mở đầu phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân miền Nam.



Hình 1.6. Đồng bào các dân tộc tham gia nổi dậy ở Trà Bồng (8/1959)



Hình 1.7. Tượng đài chiến thắng Ba Gia (huyện Sơn Tịnh)

31/5/1965: Chiến thắng Ba Gia đã góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

18/8/1965: Chiến thắng Vạn Tường đã mở đầu cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam, chứng minh quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.



Hình 1.8. Trận đánh Vạn Tường năm 1965

Giai đoạn 1968 – 1972: Quân dân Quảng Ngãi cùng quân dân miền Nam tấn công địch trong dịp Tết Mậu Thân 1968, cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, góp phần đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mỹ.

24/3/1975 tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng. Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh tập trung sức người, sức của, góp phần hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.



Hình 1.9. Xe tăng của quân giải phóng tiến vào giải phóng thị xã Quảng Ngãi ngày 24/3/1975



Nêu một số thắng lợi tiêu biểu của nhân dân Quảng Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) và ý nghĩa của các chiến thắng đó.

4. Quảng Ngãi từ năm 1975 đến nay

a) Quảng Ngãi khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định và phát triển kinh tế – xã hội, bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1975 – 1989)

Cuối năm 1975, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, tỉnh Quảng Ngãi hợp nhất với tỉnh Bình Định thành tỉnh Nghĩa Bình. Từ năm 1976 đến năm 1989, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng quân và dân trong tỉnh tập trung trí lực, hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo và phát triển kinh tế – xã hội, từng bước tháo gỡ khó khăn vướng mắc, ổn định đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng – an ninh, tham gia chiến đấu giữ vững biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc, đồng thời làm nghĩa vụ Quốc tế giúp Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng Khmer Đỏ.

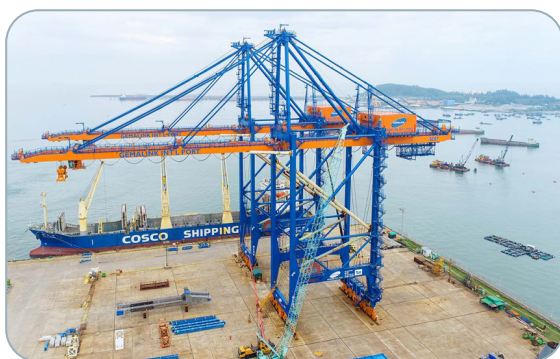


Hình 1.10. Công trình đầu mối Thạch Nham được khởi công xây dựng năm 1985

b) Quá trình phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1989 đến nay

Thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng (1986), nhất là từ ngày tái lập tỉnh Quảng Ngãi (1989), Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã đề ra những quyết sách, chủ trương và giải pháp đúng đắn, có tính đột phá, phù hợp với tình hình thực tiễn, thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển, đạt được nhiều thành tựu to lớn, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, diện mạo quê hương ngày thêm khởi sắc.

Cơ cấu kinh tế Quảng Ngãi có bước chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp, dịch vụ và đã đạt được những thành tựu to lớn. Nổi bật là Khu Kinh tế Dung Quất được định hướng phát triển thành một trong những trung tâm kinh tế biển năng động, với nền kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng.



Hình 1.11. Sản phẩm công nghiệp nặng của Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam



Hình 1.12. Khu Kinh tế Dung Quất

Kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội ngày càng được hoàn thiện. Nhiều công trình giao thông quan trọng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng như mở rộng Quốc lộ 1, xây dựng các tuyến đường cao tốc (Đà Nẵng – Quảng Ngãi), đường ven biển (Dung Quất – Sa Huỳnh,...), xây cầu, công trình thủy lợi, mạng lưới điện,...



Hình 1.13. Hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi

Nghành dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực. Hàng hoá ngày càng đa dạng, phong phú; mạng lưới phân phối được mở rộng; các điểm du lịch được đầu tư xây dựng thu hút đông đảo du khách như: đảo Lý Sơn, điểm du lịch sinh thái Suối Chí (huyện Nghĩa Hành),...

Lĩnh vực văn hoá – xã hội cũng có nhiều tiến bộ. Quốc phòng – an ninh được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo được quan tâm thực hiện có hiệu quả, từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

Phát huy những thành tựu đạt được, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Quảng Ngãi trong thời gian đến quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, từng bước khẳng định và nâng cao vai trò vị thế của mình trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.



Nêu một số thành tựu tiêu biểu ở Quảng Ngãi từ năm 1989 đến nay.



LUYỆN TẬP

1. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 – 1975), nhân dân Quảng Ngãi đã có những đóng góp như thế nào vào thắng lợi chung của dân tộc Việt Nam?
2. Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây) các giai đoạn đấu tranh giải phóng quê hương, khôi phục và phát triển của Quảng Ngãi từ năm 1930 đến nay.

Thời gian	Nội dung	Sự kiện/ thành tựu tiêu biểu
?	?	?
?	?	?
?	?	?



VẬN DỤNG

1. Hãy sưu tầm tư liệu và giới thiệu về các nhân vật lịch sử đã có nhiều công lao đối với quê hương, đất nước từ khi thành lập Đảng bộ Quảng Ngãi đến nay tại địa phương em
2. Sưu tầm tư liệu, hình ảnh từ sách, báo và internet, hoàn thành bài giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu trong xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương em.

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được những nét khái quát chung về di tích lịch sử ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Giới thiệu được một số di tích lịch sử tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi: nguồn gốc; những đóng góp của quân và dân tỉnh Quảng Ngãi; ý nghĩa lịch sử, văn hóa.
- Trân trọng, tự hào và tích cực học tập, lao động góp phần xây dựng quê hương Quảng Ngãi ngày càng giàu mạnh; thực hiện được những việc làm phù hợp góp phần bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử.



MỞ ĐẦU

Vùng đất Quảng Ngãi là một chiến trường ác liệt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc ta. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, ngày nay vẫn còn nhiều di tích lưu dấu những chiến thắng oanh liệt, vẻ vang, những đau thương mất mát trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Những di tích lịch sử ở Quảng Ngãi không chỉ là nơi để tìm hiểu về quá khứ, về chiến tranh mà còn là nơi bồi dưỡng, giáo dục truyền thống cách mạng và tình yêu quê hương, đất nước.



Hình 2.1. Tượng đài chiến thắng Ba Gia
(huyện Sơn Tịnh)



Hình 2.2. Tượng đài tưởng niệm
vụ thâm sát Khánh Giang – Trường Lệ
(huyện Nghĩa Hành)



Trình bày những hiểu biết của em về các di tích lịch sử Tượng đài chiến thắng Ba Gia (huyện Sơn Tịnh) và Tượng đài tưởng niệm vụ thảm sát Khánh Giang – Trường Lệ (huyện Nghĩa Hành) ở tỉnh Quảng Ngãi.



1. Khái quát về di tích lịch sử ở tỉnh Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi có hệ thống di tích lịch sử phong phú, đa dạng trong đó nhiều di tích được xếp hạng cấp tỉnh và cấp quốc gia. Tiêu biểu có thể kể đến một số nhóm di tích lịch sử sau:

Di tích lịch sử văn hoá: với rất nhiều đình, chùa và đền thờ được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là di tích lịch sử – văn hoá quốc gia như: Chùa Hang, Chùa Ông, Đình An Hải, mộ và đền thờ Bùi Tá Hán,...

Di tích lịch sử cách mạng: Huyện đường Đức Phổ, quần thể di tích khởi nghĩa Ba Tơ, quần thể di tích khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi,...

Di tích chiến thắng tiêu biểu: di tích chiến thắng Ba Gia, di tích chiến thắng Vạn Tường,... Ngoài ra, còn có nhiều di tích tội ác chiến tranh như: di tích vụ thảm sát Khánh Giang – Trường Lệ, vụ thảm sát Bình Hoà, địa đạo Đám Toái – Bình Châu và đặc biệt là di tích vụ thảm sát Sơn Mỹ,...

Bên cạnh đó còn có nhiều công trình nhà lưu niệm danh nhân văn hoá, các vị tướng tài ba có công trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước cũng đã được công nhận là những di tích lịch sử như: Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Nhà Lưu niệm đồng chí Trần Kiên,...

Thời gian qua, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi luôn được các cấp chính quyền địa phương quan tâm. Ngày 14 tháng 01 năm 2022, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ra Quyết định số 51/QĐ-UBND về Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

Mục đích Đề án nhằm giữ gìn, bảo vệ và phát huy tốt giá trị di tích, giáo dục truyền thống yêu nước, văn hoá và cách mạng cho các thế hệ mai sau. Khai thác các giá trị lịch sử văn hoá của các di tích, phục vụ cho việc giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc

trong tỉnh và phát triển kinh tế du lịch của địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phát triển văn hoá, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

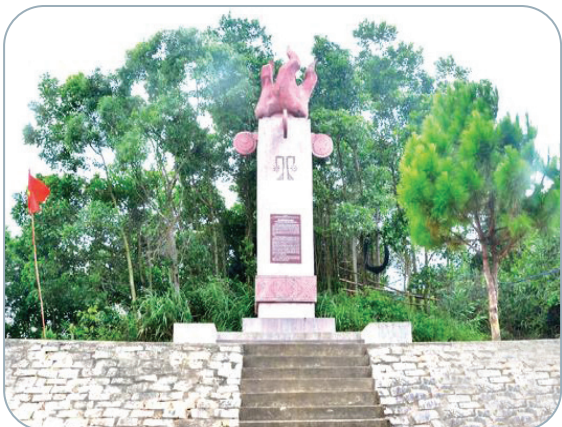
Hiện nay, công tác phát huy giá trị di tích trong phát triển du lịch được tỉnh chú trọng khai thác. Hệ thống di tích sau khi được đầu tư tôn tạo, đưa vào sử dụng đã có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho người dân địa phương, góp phần định hình và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch mang đặc trưng của tỉnh như du lịch lịch sử cách mạng, du lịch văn hoá tâm linh, du lịch sinh thái, biển, đảo,... Từng bước hình thành nhiều tuyến, địa bàn, khu du lịch trọng điểm tại các địa phương của tỉnh nhà.



Hình 2.3. Nhà Lưu niệm đồng chí Trần Kiên – Nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ngãi (huyện Tư Nghĩa)



Hình 2.4. Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng (huyện Mộ Đức)



Hình 2.5. Tượng đài tại quần thể di tích khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (huyện Trà Bồng)



Hình 2.6. Tượng đài tại Khu Chứng tích Sơn Mỹ (thành phố Quảng Ngãi)

Em có biết?

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 6/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá XX về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các cơ sở đoàn trên địa bàn tỉnh đã tổ chức thực hiện công trình thanh niên “Số hoá di tích lịch sử, văn hoá”. Đây là hoạt động ý nghĩa nhằm cung cấp chính xác dữ liệu, hình ảnh, tài liệu liên quan đến các khu di tích, địa chỉ đỏ, danh lam thắng cảnh. Qua đó, tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hoá, lịch sử của quê hương và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá, du lịch.



Hình 2.7. Công trình thanh niên năm 2023 số hoá di tích lịch sử mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng (thành phố Quảng Ngãi)

2. Một số di tích lịch sử tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi

a) Huyện đường Đức Phổ

Đức Phổ là huyện đồng bằng ven biển nằm ở phía nam tỉnh Quảng Ngãi (nay là thị xã Đức Phổ). Phía bắc giáp huyện Mộ Đức; phía nam giáp huyện Hoài Nhơn (tỉnh Bình Định); phía tây giáp huyện Nghĩa Hành và huyện Ba Tơ; phía đông giáp biển Đông.

Trước năm 1930, Huyện đường Đức Phổ được xây dựng trên khu đất hình chữ nhật với kiến trúc nhà ba gian hai chái. Huyện đường tồn tại đến năm 1960 thì chính quyền Sài Gòn phá bỏ để xây dựng lại trụ sở mới của quận Đức Phổ. Sau ngày đất nước thống nhất, trụ sở quận Đức Phổ được cải tạo, nâng cấp để làm trụ sở UBND huyện Đức Phổ. Hiện nay, địa điểm di tích lịch sử cách mạng Huyện đường Đức Phổ nằm trong khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ. Huyện đường Đức Phổ có một bờ tường gạch bao bọc, chính giữa là cổng ra vào, phía trái cổng có một bốt gác nhỏ để kiểm tra, kiểm soát người ra vào, hai bên cổng có hai cây nhãn, trụ sở Huyện đường nằm ở trung tâm. Trong khuôn viên di tích gần giếng nước và cây nhãn của Huyện đường Đức Phổ xưa kia có đặt một phù điêu cò đỏ búa liềm, phản ánh cuộc đấu tranh biểu tình của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.



Hình 2.8. Di tích lịch sử cách mạng Huyện đường Đức Phổ

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Ngãi được thành lập do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư. Tháng 4/1930, Chi bộ cộng sản đầu tiên của huyện Đức Phổ ra đời. Chi bộ đã tập hợp, lãnh đạo nhân dân trong huyện tiến hành các cuộc đấu tranh. Đặc biệt, trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, hưởng ứng phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, qua thực tiễn phong trào và căn cứ vào điều kiện của Đức Phổ lúc bấy giờ, là huyện có tổ chức Đảng mạnh với 50 đảng viên trong tổng số 80 đảng viên của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi và là nơi có phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ, gắn bó mật thiết với nhân dân; đồng thời có cơ quan Tỉnh uỷ đóng trên địa bàn nên Tỉnh uỷ quyết định chọn Đức Phổ làm huyện điểm mở đầu cho đợt đấu tranh trong toàn tỉnh. Từ nửa đêm ngày 7 đến sáng ngày 8-10-1930, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Nghiêm, nhân dân các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Văn, Phổ Thuận,... tập trung về gò Cây Thị để dự cuộc mít tinh. Tại đây, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã vạch trần tội ác của bọn thực dân - phong kiến, tuyên truyền đường lối của Đảng, cổ vũ tinh thần quần chúng đứng lên đấu tranh. Sau buổi mít tinh, đoàn biểu tình đã tiến về Huyện đường Đức Phổ một cách có tổ chức, theo hàng lối chỉnh tề, tay cầm gậy gộc, biểu ngữ, cờ đỏ búa liềm. Lúc đầu đoàn có hơn 3.000 người nhưng trên đường qua các xã, người tham gia ngày càng đông. Khi đến Huyện đường, lực lượng đã lên đến hơn 5.000 người, tạo khí thế cách mạng sục sôi và ta đã chiếm được Huyện đường, làm tri huyện cùng toàn bộ lại mục, lính tráng hoảng sợ, bỏ chạy.

Năm 1994, di tích đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá quốc gia. Đây là một trong những “địa chỉ đỏ” giáo dục về lịch sử, tinh thần cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi.

Em có biết?

Đoàn người biểu tình đã xông vào Huyện đường, đốt công văn, thả tù nhân, treo cờ đỏ búa liềm, hô vang khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến!”, “Việt Nam độc lập, chính quyền về tay công nông binh!”, “Miễn thuế đinh, thuế đò, thuế chợ!”, “Ủng hộ Nghệ An đỏ, chống khủng bố Nghệ – Tĩnh!”, “Ủng hộ Liên bang Xô viết!”.

b) Quần thể di tích khởi nghĩa Ba Tơ

Quần thể di tích lịch sử khởi nghĩa Ba Tơ thuộc huyện Ba Tơ nằm ở phía tây nam tỉnh Quảng Ngãi, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 60 km.

Quần thể di tích lịch sử khởi nghĩa Ba Tơ là nơi đánh dấu sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi trong cao trào cách mạng 1939 – 1945.

Chiều ngày 11/3/1945, quần chúng mít tinh, biểu tình và phát triển thành cuộc tuần hành phối hợp với lực lượng vũ trang dưới sự chỉ huy của Ban khởi nghĩa. Lực lượng cách mạng đã chiếm Nha kiểm lý, làm chủ Đồn Ba Tơ. Sáng ngày 12/3/1945, diễn ra mít tinh mừng thắng lợi, ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Ba Tơ và thành lập Đội Du kích Ba Tơ. Sau đó, lực lượng được chuyển lên khu căn cứ địa Cao Muôn để kháng Nhật. Khi Đội Du kích Ba Tơ lớn mạnh thì được chia thành hai đại đội, đại đội Phan Đình Phùng và đại đội Hoàng Hoa Thám. Đây là những lực lượng nòng cốt để tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ngãi.

Vào năm 1985, khu trung tâm diễn ra cuộc khởi nghĩa đã được tỉnh Quảng Ngãi xây dựng nhà Bảo tàng Khởi nghĩa Ba Tơ. Các địa điểm khác như: khúc Sông Liên, dốc Ông Tài, Suối Loa, Hang Én, hang Voọc Rệp, Nha Kiểm lý,... được giữ gìn, tôn tạo, phát huy tinh thần cách mạng, truyền thống yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi. Quần thể các địa điểm di tích về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội Du kích Ba Tơ được Bộ Văn hoá – Thông tin công nhận, xếp hạng và cấp Bằng di tích lịch sử – văn hoá quốc gia tại Quyết định số 92-VHTT/QĐ ngày 10/7/1980.



Hình 2.9. Tượng đài khởi nghĩa Ba Tơ

Em có biết?

Từ khi thành lập Đội Du kích Ba Tơ phát triển nhanh về số lượng, trở thành lực lượng nòng cốt trong cao trào kháng Nhật cứu nước, Cách mạng tháng Tám tại Quảng Ngãi, sau này trở thành tiền thân của lực lượng vũ trang Liên khu V – một trong các lực lượng chiến đấu tinh nhuệ nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 22/02/2010, Chủ tịch nước ký Quyết định số 211/QĐ-CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho Đội Du kích Ba Tơ đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 8/8/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1358/QĐ-TTg về việc công nhận các xã an toàn khu thuộc tỉnh Quảng Ngãi: công nhận các xã Ba Vinh, Ba Giang, Ba Động, Ba Chùa, Ba Thành và thị trấn Ba Tơ thuộc vùng An toàn khu của Trung ương ở Quảng Ngãi trong thời kỳ chống Pháp.

Ngày 25/12/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2082/QĐ-TTg về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt đối với Quần thể di tích lịch sử khởi nghĩa Ba Tơ.

c) Di tích chiến thắng Vạn Tường

Di tích chiến thắng Vạn Tường thuộc hai xã Bình Hải, Bình Hoà nằm ở phía đông huyện Bình Sơn. Đây là nơi ghi dấu ấn trận đánh Vạn Tường diễn ra vào ngày 18/8/1965 chủ yếu trên địa bàn các thôn Vạn Tường, An Cường thuộc xã Bình Hải và thôn Lộc Tự, xã Bình Hoà, huyện Bình Sơn. Trong trận Vạn Tường, quân giải phóng đã đập tan cuộc hành quân “Starlight” (Ánh sáng sao) của Mỹ, tiêu diệt 919 tên Mỹ, bắn cháy, bắn hỏng 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 13 máy bay và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Chiến thắng Vạn Tường đem lại niềm tin quân và dân ta có thể đánh Mỹ và thắng Mỹ, mở đầu cho phong trào đánh Mỹ thắng Mỹ trên toàn chiến trường miền Nam Việt Nam. Quần thể di tích chiến thắng Vạn Tường bao gồm: Chiến hào thép Lộc Tự, Sở chỉ huy trung đoàn 1 (Quân khu V), Đỉnh đồi 61, xác máy bay địch bị ta bắn hạ ở thôn Phước Thiện,...

Ngày 24/12/1982, quần thể di tích Vạn Tường đã được Bộ Văn hoá – Thông tin xếp hạng di tích lịch sử văn hoá quốc gia.

Năm 2002, Bảo tàng chiến thắng Vạn Tường được xây dựng nhằm gìn giữ và phát huy giá trị lịch sử những hình ảnh, hiện vật về chiến thắng oai hùng của quân và dân ta, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng trong nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.



Hình 2.10. Tượng đài chiến thắng
Vạn Tường



Hình 2.11. Bảo tàng chiến thắng
Vạn Tường



Từ kiến thức đã học, em hãy rút ra giá trị nổi bật của một số di tích lịch sử tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê về một số di tích lịch sử tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi theo gợi ý dưới đây:

TT	Tên di tích lịch sử	Địa điểm (xã/ huyện/thị xã/thành phố)	Ý nghĩa di tích lịch sử

2. Thế hệ trẻ Quảng Ngãi hiện nay cần phải làm gì để giữ gìn và phát huy những giá trị di tích lịch sử ở địa phương?



Tìm hiểu thông tin về một di tích lịch sử của tỉnh nhà và giới thiệu với bạn bè quốc tế theo cách của em (làm bài thuyết trình, xây dựng đoạn phim ngắn, thiết kế đồ hoạ,...).

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

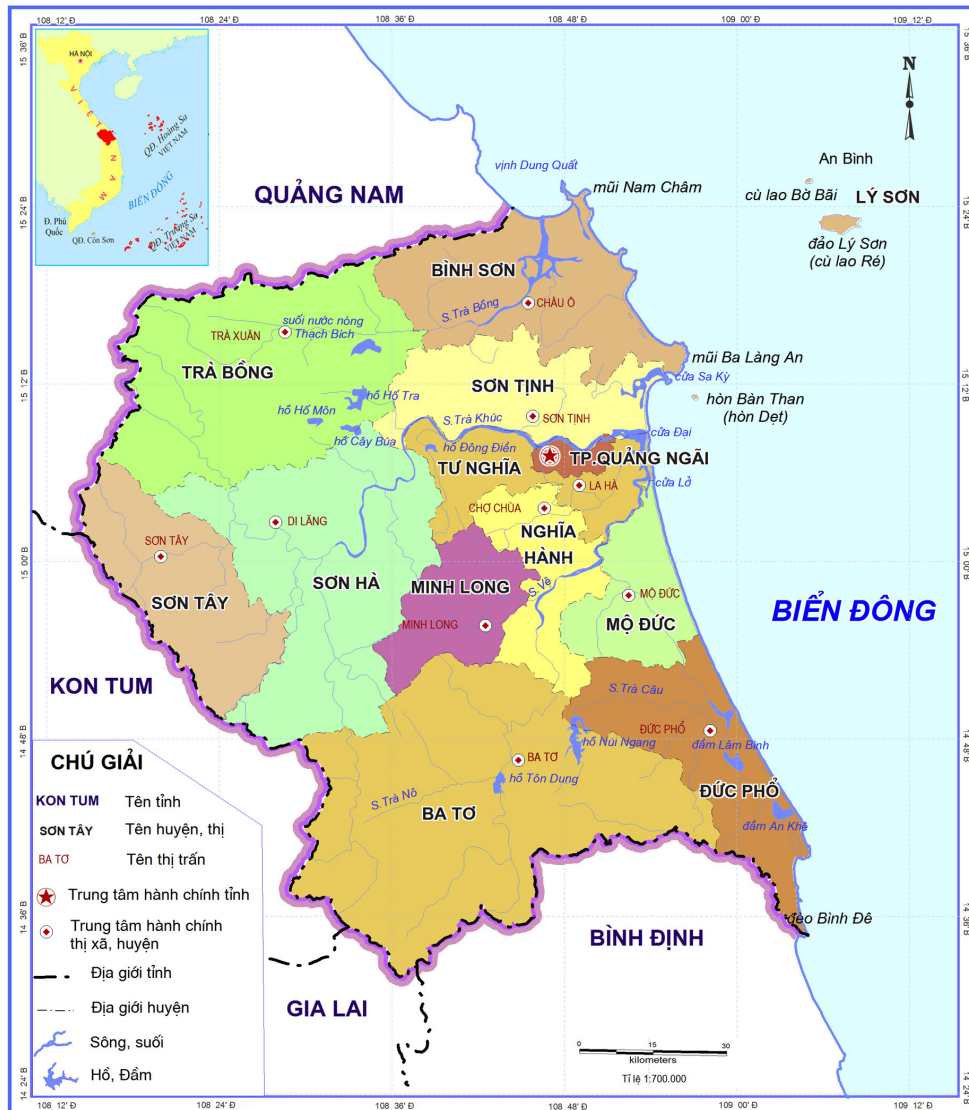
- Biết được vị trí địa lí, địa giới hành chính, diện tích, tên các đơn vị hành chính tương đương cấp huyện ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được đặc điểm dân số và phân bố dân cư của tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được quy mô GRDP và tình hình phát triển một số ngành kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi có nhiều tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư,... Quảng Ngãi đã vươn lên trở thành một tỉnh có kinh tế phát triển khá. Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách của tỉnh, trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo và là ngành giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Nông nghiệp đã hình thành nhiều cánh đồng lớn, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, gắn kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Dịch vụ đã thu hút nhiều nhà đầu tư có tiềm lực, góp phần xây dựng và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển bền vững.

LƯỢC ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



1. Vị trí địa lí, địa giới hành chính

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở Duyên hải Nam Trung Bộ, có vĩ độ kéo dài từ 14°32'B đến 15°25'B, kinh độ từ 108°06'Đ đến 109°04'Đ; phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai, phía nam giáp tỉnh Bình Định, phía đông giáp Biển Đông, có đường bờ biển dài khoảng 130 km.

Tỉnh Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên 5 131,5 km², chiếm 1,7% diện tích tự nhiên cả nước, bao gồm 13 huyện, thị xã, thành phố: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và 11 huyện (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Lý Sơn).



Em hãy kể tên các đơn vị hành chính tương đương cấp xã thuộc thành phố/ thị xã/ huyện nơi em đang sinh sống.

2. Dân cư

a) Số dân, tình hình dân số

Năm 2022, dân số tỉnh Quảng Ngãi hơn 1,2 triệu người. Toàn tỉnh có 29 dân tộc sinh sống, trong đó có 4 dân tộc đông dân gồm: dân tộc Kinh (đông nhất với hơn 1 triệu người), Hrê, Co, Ca Dong.

Năm 2022, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi là 0,7%. Nhờ thực hiện kế hoạch hoá gia đình cùng với sự thay đổi nhận thức của nhân dân và chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao nên mức tăng dân số của tỉnh Quảng Ngãi đã giảm, ngày càng ổn định. Tỷ số giới tính là 99,13 nam/100 nữ. Trong kết cấu dân số theo giới tính, tỷ lệ nữ giới cao hơn và đang có xu hướng giảm. Tuổi thọ trung bình của dân số toàn tỉnh là 72,5 tuổi, trong đó nam là 69,9 tuổi và nữ là 75,3 tuổi.

Bảng 3.1. Dân số Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Dân số (người)	1 230 564	1 231 893	1 233 396	1 244 132	1 245 649
Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%)	0,81	0,82	0,86	0,84	0,70

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)



Dựa vào bảng 3.1, nhận xét về dân số và tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2022.

b) Phân bố dân cư

Quảng Ngãi có mật độ dân số 241,6 người/km² (2022). Sự phân bố dân cư không đều giữa các đơn vị hành chính, giữa đồng bằng và miền núi.

Bảng 3.2. Mật độ dân số các khu vực và địa phương của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022

TT	Địa phương	Mật độ dân số (Đơn vị: người/km ²)
1	Toàn tỉnh	241,6
2	Đồng bằng	523,5
3	Miền núi	72,2
4	Thành phố Quảng Ngãi	1674,2
5	Thị xã Đức Phổ	328,7
6	Huyện Bình Sơn	391,7
7	Huyện Sơn Tịnh	396,9
8	Huyện Tư Nghĩa	631,4
9	Huyện Nghĩa Hành	354,6
10	Huyện Mộ Đức	530,2
11	Huyện Ba Tơ	53,1
12	Huyện Minh Long	81,1
13	Huyện Sơn Hà	109,0
14	Huyện Sơn Tây	55,5
15	Huyện Trà Bồng	71,1
16	Huyện Lý Sơn	1822,4

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)



Dựa vào bảng 3.2, nhận xét sự phân bố dân cư của tỉnh Quảng Ngãi.

c) Lao động, việc làm, thu nhập

Năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh có 674,93 nghìn người, trong đó lực lượng lao động nam chiếm 52,6%; nữ chiếm 47,4%; lực lượng lao động ở khu vực thành thị chiếm 21,4%, ở nông thôn chiếm 78,6%. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 25,2%, trong đó khu vực thành thị 44,0%, nông thôn 20,1%. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động là 1,8%; tỷ lệ thiếu việc làm là 4,3%.

Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người một tháng chung toàn tỉnh (theo giá hiện hành) đạt 3 717,2 nghìn đồng, tăng 14,8% so với năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực thành thị 2,6%; khu vực nông thôn 9,1%; vùng đồng bằng, hải đảo 3,0%; vùng miền núi 30,3%.

d) Đô thị hoá

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 10 đô thị hiện hữu, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Quảng Ngãi), 01 đô thị loại IV (thị xã Đức Phổ), 08 đô thị loại V (là các thị trấn trực thuộc huyện) và 03 khu vực đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, dự kiến thành lập đô thị. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 37% (2022).

Theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg, ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trong giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh Quảng Ngãi ưu tiên phát triển trung tâm tỉnh lỵ, trung tâm huyện lỵ và các đô thị động lực gắn với trọng điểm kinh tế quan trọng của tỉnh. Đến năm 2025, hệ thống đô thị của Quảng Ngãi sẽ bao gồm 1 đô thị loại II (thành phố Quảng Ngãi); 2 đô thị loại IV (thị xã Đức Phổ, thị xã Bình Sơn); 1 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV (thị trấn Di Lăng mở rộng); và 11 đô thị loại V. Đến năm 2030, Quảng Ngãi sẽ có 18 đô thị, gồm 1 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I (thành phố Quảng Ngãi); 2 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III (thị xã Bình Sơn và thị xã Đức Phổ); 1 đô thị loại IV (huyện Lý Sơn); 14 đô thị loại V.



Cho biết định hướng phát triển đô thị của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.

3. Kinh tế

a) Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Năm 2022, GRDP (theo giá hiện hành) đạt 121 342,2 tỷ đồng, xếp thứ 4 trong 14 tỉnh, thành thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. GRDP/người ngày càng tăng.

Bảng 3.3. Quy mô GRDP và GRDP/người theo giá hiện hành của tỉnh Quảng Ngãi qua các năm

Năm \ Tiêu chí	GRDP (tỷ đồng)	GRDP/người (triệu đồng)
2018	83 343,5	67,73
2021	99 576,3	80,04
2022	121 342,2	97,4

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)

Cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Ngãi đang có sự chuyển dịch từ nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế phát triển công nghiệp và dịch vụ. Theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thì mục tiêu

đến năm 2030, cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP của tỉnh là Nông, lâm nghiệp và thủy sản 15 – 16%; Công nghiệp – xây dựng khoảng 36,5 – 37,5%; Dịch vụ khoảng 35,5 – 36,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 10 – 11%.



Dựa vào nội dung mục 3.a, trình bày khái quát tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Tình hình phát triển một số ngành kinh tế tỉnh Quảng Ngãi

* Nông nghiệp

Ngành trồng trọt chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Những cây trồng chủ lực: lúa, ngô, mía,... phân bố ở hầu hết các địa phương trong tỉnh. Ngoài những cây trồng chủ lực, một số huyện còn chú trọng phát triển và hình thành nhiều mô hình sản xuất mới như: trồng dưa lưới trong nhà màng, sản xuất lúa thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu, nuôi ghép tôm sú với cá đối thương phẩm trong ao đất... mang lại giá trị kinh tế cao.

Trồng dưa lưới trong nhà màng, Sản xuất lúa thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu, nuôi ghép tôm sú với cá đối thương phẩm trong ao đất.

Bảng 3.4. Một số cây trồng chủ lực của tỉnh Quảng Ngãi, năm 2022

Tiêu chí Cây trồng	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Phân bố
Cây lúa	74 842	435 841	Các huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi.
Cây ngô (bắp)	9 980	57 215	Các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, thành phố Quảng Ngãi.
Cây mía	205	11 050	Thị xã Đức Phổ, các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức.
Cây lạc (đậu phộng)	6 156	14 510	Các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Trà Bồng và thị xã Đức Phổ.

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)

Ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định, trong đó sản phẩm chăn nuôi hàng hoá chủ lực là bò thịt và trâu thịt. Hiện nay, việc chuyển đổi hình thức chăn nuôi quy mô nông hộ sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực.

Bảng 3.5. Đàn gia súc, gia cầm của tỉnh giai đoạn 2018 – 2022

(đơn vị: nghìn con)

Năm	2019	2020	2021	2022
Trâu	69 143	69 307	68 011	67 146
Bò	277 330	279 305	279 751	280 731
Lợn	370 685	375 551	374 960	387 747
Gia cầm	5 294,8	5 605,3	5 611,3	5 810,3

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)

Chương trình trồng rừng đang được triển khai tại các vùng nông – lâm kết hợp nhằm phát triển nông nghiệp, giảm nhẹ thiên tai và bảo vệ môi trường. Năm 2022, độ che phủ rừng là 51%, mục tiêu phấn đấu là nâng tỉ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 52%.

Ngành làm muối, khai thác thủy sản tỉnh Quảng Ngãi ngày càng được chú trọng phát triển.



Nêu ý nghĩa của việc trồng rừng ở tỉnh Quảng Ngãi.

* Phương hướng phát triển nông nghiệp:

– Phát triển ngành nông nghiệp chất lượng, bền vững theo hướng tập trung hoá, hiện đại hoá, hướng tới nền nông nghiệp xanh, bảo vệ môi trường.

– Đẩy mạnh tăng tỉ trọng của ngành lâm nghiệp và thủy sản; hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, vùng sản xuất hàng hoá tập trung dựa trên lợi thế các vùng, địa phương trong tỉnh.

– Tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số gắn với chế biến, tiêu thụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, hội nhập quốc tế.

* Công nghiệp:

Năm 2022, ngành công nghiệp chiếm 45,29% cơ cấu GRDP của tỉnh. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên và thu hút vốn đầu tư, các nhóm ngành công nghiệp của tỉnh có sự chuyển dịch đáng kể. Trong đó, nhóm ngành chế biến và chế tạo đạt tỷ trọng cao nhất. Đây được xem là nhóm ngành quan trọng hàng đầu của tỉnh.

Bảng 3.6. Giá trị sản xuất và tỉ trọng ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi năm 2022

Lĩnh vực	Giá trị sản xuất (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Toàn ngành công nghiệp	128 544 6	100
Nhóm công nghiệp khai khoáng	453,7	0,35
Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo	127 098,0	98,87
Nhóm sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước	735,8	0,57
Nhóm cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	257,2	0,20

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh trong những năm gần đây tăng mạnh như: Thép, sản phẩm lọc hoá dầu, bánh kẹo các loại, tinh bột mì, điện sản xuất,...

Tuy nhiên, trong sản xuất công nghiệp cũng gặp không ít khó khăn như: giá nguyên vật liệu, lãi suất ngân hàng tăng cao, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất.



Dựa vào bảng 3.6 và kiến thức đã học, cho biết vì sao nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao?

* Phương hướng phát triển công nghiệp:

– Phát triển công nghiệp vẫn luôn là nhiệm vụ quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh. Tập trung phát triển công nghiệp ở Khu kinh tế Dung Quất và các khu, cụm công nghiệp.

– Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp công nghệ cao, phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp có lợi thế.

– Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cho phát triển công nghiệp đồng thời cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư.

* Dịch vụ

Thương mại giữ vai trò quan trọng đối với phát triển dịch vụ của tỉnh Quảng Ngãi. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành) năm 2023 đạt 71 285 tỷ đồng, tăng 9,8% so với kỳ năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 2 400 triệu USD, tăng 7,6% so với năm 2022 với các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh ngày càng đa dạng. Trong đó các mặt hàng nổi trội là: thép, may mặc, dầu FO, tinh bột mỳ và thủy sản,...

Kim ngạch nhập khẩu năm 2023 đạt 3 586 triệu USD, giảm 0,3% so với năm 2022. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, cụ thể: quặng sắt; máy móc, dầu thô, nguyên phụ liệu may mặc, da giày, nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo,...

Thị trường xuất, nhập khẩu chủ yếu: Các quốc gia thuộc khu vực châu Á (các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc); Châu Âu (thị trường Đông Âu, Tây Âu và các nước SNG; Châu Mỹ (chủ yếu thị trường Hoa Kỳ).



Hoạt động xuất khẩu của tỉnh Quảng Ngãi có những thuận lợi gì?

Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu vận tải và dịch vụ vận tải ngày càng tăng, năm 2023 đạt 5 076 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2022, vượt 12% kế hoạch năm.

Hoạt động du lịch: Quảng Ngãi phấn đấu phát triển ngành du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng với hạt nhân là trung tâm du lịch biển đảo Lý Sơn và du lịch trải nghiệm gắn liền với văn hoá, lịch sử. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch. Một số điểm du lịch: Thành cổ Châu Sa, Khu Chứng tích Sơn Mỹ, Khu Lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Thác Trắng,...



Nêu ý nghĩa của hoạt động du lịch đối với sản xuất và đời sống của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

* Phương hướng phát triển dịch vụ:

– Ưu tiên phát triển dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ. Bảo đảm các dịch vụ cơ bản phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, hướng đến hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại.

– Tiếp tục khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về phát triển các ngành dịch vụ như cảng biển nước sâu Dung Quất gắn với phát triển ngành dịch vụ Logistics.

– Phát triển các dịch vụ vận chuyển, dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản,...

– Đẩy mạnh phát triển du lịch, gắn du lịch với các hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí.



LUYỆN TẬP

Dựa vào bảng số liệu 3.1 em hãy:

- Vẽ biểu đồ thể hiện số dân tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2022.
- Nhận xét sự thay đổi số dân của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn trên.



VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm tư liệu và viết báo cáo ngắn về tình hình phát triển một số ngành kinh tế ở địa phương nơi em sinh sống.

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được thuận lợi, khó khăn, thách thức để thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi.
- Nêu được kết quả đạt được trong thu hút vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được chủ trương, định hướng các lĩnh vực thu hút đầu tư và một số giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Với mục tiêu trở thành hạt nhân tăng trưởng và là động lực phát triển kinh tế – xã hội của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, tỉnh Quảng Ngãi đang nỗ lực để cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các dự án đầu tư nước ngoài (FDI) vào các lĩnh vực trọng điểm.

Những năm gần đây, tỉnh Quảng Ngãi đã đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, các nguồn vốn này đã và đang góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, thay đổi mạnh mẽ bộ mặt kinh tế – xã hội của tỉnh. Vậy kết quả thu hút đầu tư, chủ trương, định hướng để thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như thế nào?



KIẾN THỨC MỚI

1. Thuận lợi, khó khăn, thách thức để thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi

a) Thuận lợi

Nằm trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, Quảng Ngãi có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong khu vực và cả nước.

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi cho phát triển đa dạng các ngành kinh tế và thu hút đầu tư trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; công nghiệp; du lịch; giao thông; thương mại,...

Hệ thống cơ sở hạ tầng đa dạng và tương đối đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin và phát triển đô thị.

Hệ thống giao thông vận tải đang được đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại với đa dạng các loại hình vận tải. Các tuyến đường bộ quan trọng trong địa bàn tỉnh: Quốc lộ 1, Quốc lộ 24, cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh,... Đường sắt Bắc – Nam chạy qua Quảng Ngãi với 8 ga tàu. Một số cảng biển lớn đã kết nối với các tuyến đường biển trong nước, gần đường hàng hải quốc tế như: cảng Dung Quất, cảng Sa Kỳ, cảng Lý Sơn. Sân bay Chu Lai (tỉnh Quảng Nam) chỉ cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 40 km về phía Bắc.

Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông có quy mô khá lớn và từng bước hiện đại, đa dạng, chất lượng cao.

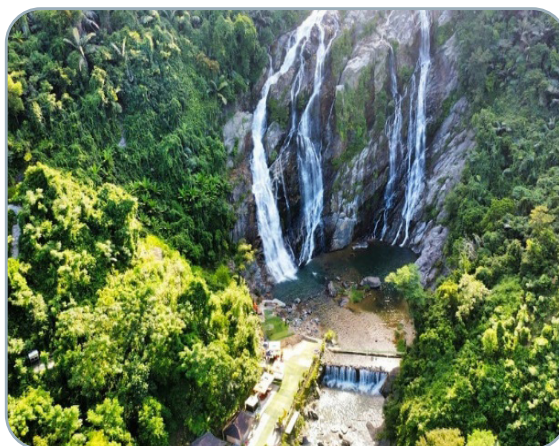
Cơ sở năng lượng cho sản xuất và sinh hoạt chủ yếu là nguồn điện từ đường dây 500KV của mạng lưới điện quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh đã và đang xây dựng một số nhà máy thủy điện quy mô nhỏ và trung bình ở thượng nguồn các sông như thủy điện Đắk Đrinh (huyện Sơn Tây), Nước Trong (huyện Sơn Hà),... Đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh đã có 16 dự án thủy điện đi vào vận hành góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và bổ sung nguồn điện cho hệ thống điện quốc gia.

Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, cảng biển, trường học, bệnh viện, các khu du lịch nghỉ dưỡng,... ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu cho nhân dân và các doanh nghiệp.

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi cho phát triển đa dạng các ngành kinh tế và thu hút đầu tư trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; công nghiệp; du lịch; giao thông; thương mại,...



Hình 4.1. Đảo Lý Sơn – nhìn từ trên cao



Hình 4.2. Thác Trắng (huyện Minh Long)

Nguồn nhân lực cơ bản được đảm bảo, người lao động có đức tính cần cù, sáng tạo, ham học hỏi và chất lượng đang ngày càng được nâng cao.

Môi trường đầu tư thông thoáng, có nhiều chính sách ưu đãi.

b) Những khó khăn, thách thức trong việc thu hút đầu tư

Tình hình kinh tế, xã hội thế giới và trong nước có nhiều biến động, nên các nguồn vốn, dự án của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế vào tỉnh Quảng Ngãi không ổn định.

Nền kinh tế – xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn. Hệ thống cơ sở hạ tầng, các ngành dịch vụ, công nghiệp hỗ trợ còn nhiều hạn chế. Chất lượng nguồn lao động còn thấp, lao động có trình độ cao của tỉnh còn thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiều nhà đầu tư.

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các địa phương và khu vực trong thu hút đầu tư.

Chính sách thu hút đầu tư, môi trường đầu tư của tỉnh chưa thật sự hấp dẫn, còn nhiều rào cản trong các thủ tục pháp lý đối với việc đầu tư.



Việc thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh gặp những khó khăn, thách thức gì?

2. Kết quả thu hút vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Năm 2022, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 33 290 tỷ đồng, tương đương với 27,4% so với GRDP toàn tỉnh.

a) Vốn đầu tư phân theo thành phần kinh tế

Bảng 4.1. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế, giai đoạn 2018 – 2022

(Đơn vị: tỷ đồng)

Thành phần kinh tế	2018	2019	2020	2022
Nhà nước	6 795,6	8 007,4	7 707,1	7 315,1
Ngoài Nhà nước	34 558,7	29 151,9	18 481,8	24 007,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	2 623,5	3 456,1	2 846,5	1 967,9
Tổng	43 977,8	40 615,4	29 035,4	33 290,5

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2022)



Dựa vào bảng 4.1, nhận xét xu hướng thay đổi nguồn vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo thành phần kinh tế, giai đoạn 2018 – 2022. Tại sao có sự thay đổi đó?

Trong tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội, nguồn vốn đầu tư từ thành phần kinh tế ngoài Nhà nước là lớn nhất, thành phần kinh tế Nhà nước đứng thứ hai và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ít nhất.

Nguồn vốn đầu tư ở các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh có nhiều biến động do ảnh hưởng của nhiều nhân tố như: đại dịch Covid-19 đã làm cho các doanh nghiệp hạn chế đầu tư, một số dự án trọng điểm đã cơ bản hoàn thành, biến động của tình hình kinh tế trong và ngoài nước...

Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Nguồn vốn đầu tư ở khu vực ngoài Nhà nước đang có dấu hiệu khôi phục và phát triển.

b) Vốn đầu tư phân theo ngành kinh tế

Bảng 4.2. Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo giá hiện hành phân theo ngành kinh tế, giai đoạn 2018 – 2022

(Đơn vị tính: %)

Ngành kinh tế	2018	2019	2020	2022
Nông – lâm – thủy sản	1,4	2,0	4,9	5,8
Công nghiệp – xây dựng	68,1	62,2	45,0	43,2
Dịch vụ	30,5	35,8	50,1	51,0

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2022)



Dựa vào bảng 4.2, nhận xét xu hướng thay đổi trong cơ cấu vốn đầu tư phân theo ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2022.

Vốn đầu tư phân theo các ngành kinh tế có những thay đổi lớn phù hợp chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh và xu hướng chung của cả nước, các nguồn vốn đầu tư tập trung chủ yếu vào hai lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ từng bước đáp ứng quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.

c) Vốn đầu tư nước ngoài

Những năm gần đây, nhờ chính sách thu hút đầu tư, mở cửa, hiện đại hoá cơ sở hạ tầng,... tỉnh Quảng Ngãi đã thu hút được ngày càng nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Một số dự án được đầu tư đã mang lại hiệu quả cao về kinh tế – xã hội, đóng góp lớn cho sự phát triển chung của tỉnh như: dự án nhà máy Công nghiệp nặng Doosan Vina của Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam, dự án Khu Công nghiệp VSIP,...



Hình 4.3. Khu Công nghiệp VSIP
Quảng Ngãi



Hình 4.4. Công ty TNHH Doosan
Enerbility Việt Nam

Đến năm 2022, toàn tỉnh có 64 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư là 1 889,1 triệu USD. Tuy nhiên, số lượng các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh vẫn còn ít, lĩnh vực đầu tư từ các dự án nước ngoài chưa đa dạng, chủ yếu là các dự án thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 75% số dự án và 82,3% tổng vốn đăng ký). Đối tác đầu tư phần lớn là các nước trong khu vực châu Á như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore,...

3. Chủ trương, chính sách thu hút đầu tư và một số giải pháp

a) Định hướng các lĩnh vực thu hút đầu tư

Theo định hướng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, các lĩnh vực khuyến khích đầu tư tương đối đa dạng:

- Trong ngành công nghiệp: ưu tiên các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp xử lý nước thải, rác thải, năng lượng tái tạo; công nghiệp hỗ trợ.
- Trong nông nghiệp: khuyến khích các dự án nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.
- Trong dịch vụ: đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn đầu tư đối với dịch vụ logistics, siêu thị, trung tâm thương mại, thương mại điện tử, du lịch,...



Hình 4.5. Cảng Dung Quất -
(huyện Bình Sơn)



Hình 4.6. Siêu thị GO -
(thành phố Quảng Ngãi)

– Trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng: tiếp tục thu hút nguồn vốn vào các dự án hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng giao thông, đô thị; giáo dục, y tế, thể thao chất lượng cao.

4. Một số giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư

– Triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích đầu tư để thu hút các dự án từ các nhà đầu tư lớn.

– Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Trong đó, đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, nhất là các tập đoàn kinh tế lớn. Đồng thời tranh thủ các điều kiện thuận lợi từ bối cảnh tình hình thế giới để đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

– Thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, quản trị hiện đại, công nghệ tiên tiến, kết nối chuỗi cung ứng, có tác động lan toả.

– Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các địa phương trong vùng để huy động nguồn lực cho phát triển.



LUYỆN TẬP

1. Trình bày những thuận lợi, khó khăn để thu hút các nguồn vốn đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi?
2. Vì sao các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh Quảng Ngãi có xu hướng tăng?



VẬN DỤNG

Sưu tầm các tư liệu cho thấy tỉnh Quảng Ngãi đang đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành du lịch.

CHỦ ĐỀ 5

THỰC HÀNH CÙNG BẠN CHỌN NGHỀ CHO TƯƠNG LAI PHÙ HỢP XU THẾ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH NGHỀ TẠI QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Sưu tầm tư liệu và trình bày khái quát về xu thế phát triển các ngành nghề tại Quảng Ngãi.
- Trình bày việc chọn nghề cho bản thân sau tốt nghiệp Trung học cơ sở và xây dựng kế hoạch (học tập, rèn luyện) để thực hiện.



MỞ ĐẦU

Việc định hướng chọn nghề nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở là vô cùng quan trọng. Học sinh cần được tiếp cận sớm để có những hiểu biết về nghề nghiệp, những thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực, định hướng đào tạo nghề đáp ứng xu thế phát triển các ngành nghề tại địa phương. Từ đó, học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích, tính cách, điều kiện và khả năng của mình; có định hướng và kế hoạch rõ ràng cho bản thân để quyết định tiếp tục học Trung học phổ thông hay vào học ở các trường nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoặc có thể tham gia ngay vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở.



KIẾN THỨC MỚI

1. Nội dung

Xây dựng một báo cáo về việc lựa chọn một nghề cho bản thân trong tương lai sau tốt nghiệp Trung học cơ sở và xây dựng kế hoạch (học tập, rèn luyện) để thực hiện.

2. Nguồn tư liệu

Sưu tầm tư liệu về xu thế phát triển các ngành nghề nói chung và một số ngành nghề được đào tạo ở các trường nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Quảng Ngãi.

3. Gợi ý nội dung trình bày về lựa chọn nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch thực hiện.

– Thông tin chung về ngành, nghề lựa chọn:

+ Tên ngành, nghề lựa chọn: ...

+ Yêu cầu ngành, nghề lựa chọn: ...

+ Trường đào tạo/ cơ sở đào tạo: ...

+ Hình thức tuyển sinh: ...

+ Yêu cầu về học vấn, chứng chỉ, bằng cấp: ...

– Lí do lựa chọn ngành nghề sau khi nghiên cứu, tham vấn ý kiến của cha mẹ, thầy cô và các bạn (sở thích, năng lực, điều kiện hoàn cảnh của bản thân; tham vấn ý kiến gia đình, người có kinh nghiệm; nhu cầu và xu thế phát triển các ngành nghề tại Quảng Ngãi;...).

– Kế hoạch thực hiện:

Các môn học/ HĐGD để học tập	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Biện pháp thực hiện	Người hỗ trợ
...	...	...	...	...

4. Thông tin tham khảo

a) Định hướng đào tạo nghề phù hợp xu thế phát triển các ngành nghề tại Quảng Ngãi

– Việc đào tạo nghề tại Quảng Ngãi luôn được chú trọng gắn với quy hoạch phát triển sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới; đào tạo nghề đang chuyển sang đào tạo theo yêu cầu, nhu cầu của doanh nghiệp, của người lao động, gắn đào tạo với tư vấn, định hướng nghề nghiệp(kênh tham khảo: sàn việc làm, trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ngãi).

– Việc chọn nghề cho học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở có thể được thực hiện theo định hướng cơ bản sau: học sinh lựa chọn khối kiến thức cơ bản gắn với một số ngành nghề có thể chọn trong tương lai tại các trường Trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục thường xuyên trong tỉnh.

– Chọn học tại các trường đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở là cơ hội nhất định đối với những học sinh không thể tiếp tục học lên bậc Trung học phổ thông. Bởi, đây là điều kiện học sinh được trải nghiệm sớm với nghề nghiệp trong tương lai, đồng thời vẫn được tiếp tục học để hoàn thành chương trình phổ thông.

b) Các bước định hướng chọn nghề

Để giúp việc lựa chọn các ngành nghề cho bản thân trong tương lai sau tốt nghiệp Trung học cơ sở, học sinh cần thực hiện qua các bước cụ thể sau:

Bước 1: Xác định sở thích, năng lực, điều kiện hoàn cảnh của bản thân

Lựa chọn nghề nghiệp là một trải nghiệm tìm kiếm bản thân để có hướng đi đúng đắn. Học sinh có thể tự đặt câu hỏi: Bản thân có những điểm mạnh nào? Sở thích của mình là gì? Hướng phát triển mà bản thân mình mong muốn? Mình ước muốn đạt được điều gì trong tương lai?

Bước 2: Tìm hiểu các ngành nghề tại địa phương

Việc tìm hiểu kĩ về các ngành nghề đang là nhu cầu của địa phương, trong xã hội sẽ là cơ hội lớn sau khi học sinh được học nghề, được làm, được phục vụ để khám phá những công việc khác nhau theo xu hướng tương lai của từng ngành nghề mà mình chọn.

Bước 3: Xác định điểm mạnh của bản thân

Để xác định điểm mạnh cho bản thân, học sinh cần đặt ra những câu hỏi và nghiêm túc trả lời để phát huy sở thích, năng lực và hoàn cảnh riêng của mình.

Ví dụ: Bản thân thích và hứng thú với những hoạt động nào trong cuộc sống hàng ngày? Điều gì khiến ta cảm thấy hài lòng và tự tin khi hoàn thành một công việc?...

Bước 4: Tham vấn ý kiến gia đình hoặc người có kinh nghiệm

Khi học sinh còn mơ hồ về khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân thì việc lắng nghe lời khuyên từ gia đình hoặc những người có kinh nghiệm là điều cần thiết. Vì chính họ đã trải qua những giai đoạn tương tự nên có thể hỗ trợ bản thân trong việc chọn lựa ngành nghề phù hợp.

Bước 5: Cân nhắc trước khi đưa ra lựa chọn

Khi học sinh có sự đam mê về một lĩnh vực cụ thể hoặc có ước mơ về một nghề nghiệp thì việc chọn nghề cho bản thân sẽ thuận lợi. Tuy nhiên, mỗi ngành nghề đều có những yêu cầu và tính chất riêng của nó. Ví dụ, có những ngành nghề đòi hỏi sức khỏe, ngoại hình hoặc kĩ năng giao tiếp của người học nên việc tìm hiểu và cân nhắc trước khi quyết định khám phá bản thân trong việc định hướng nghề nghiệp là cần thiết.

Bước 6: Vượt qua thách thức từ gia đình hoặc xã hội

Ngày nay, vẫn còn tồn tại những định kiến về lựa chọn nghề nghiệp của con cái trong một số gia đình. Những thách thức từ gia đình hoặc xã hội có thể là rào cản trong việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Do đó, khi lựa chọn ngành nghề, học sinh cần có chính kiến riêng, không quá phụ thuộc vào gia đình hoặc những ý kiến từ bên ngoài. Điều quan trọng nhất là phải tự tin và kiên định với quyết định của chính mình, đây là con đường dẫn đến sự thành công.

Bước 7: Liệt kê các yếu tố liên quan đến nghề nghiệp

Sau khi xác định ngành nghề định chọn, học sinh sẽ liệt kê những yếu tố liên quan đến nghề đó bao gồm: thu nhập hàng tháng, cơ hội phát triển tương lai nghề nghiệp, môi trường làm việc, tính linh hoạt và cân bằng trong công việc - gia đình để đảm bảo rằng nghề nghiệp mà mình lựa chọn sẽ phù hợp với mong đợi và giá trị của bản thân.

Bước 8: Phát triển các kỹ năng mềm quan trọng

Học sinh cần phát triển kỹ năng mềm sau khi xác định được ngành nghề tương lai và nhận ra những kỹ năng chuyên môn cần thiết của ngành nghề đó. Và để giúp bản thân đạt được thành công trong nghề nghiệp tương lai, học sinh có thể tham gia vào các câu lạc bộ trong nhà trường để trải nghiệm những kỹ năng như giải quyết vấn đề, thích nghi, giao tiếp, làm việc nhóm,...

Bước 9: Khám phá và trải nghiệm

Trải nghiệm có thể được thực hiện qua tìm kiếm việc làm thêm ngoài giờ học trong thời gian còn là học sinh, sinh viên để tích lũy kinh nghiệm cho bản thân. Không cần chọn những việc liên quan đến ngành nghề mình đang theo đuổi; thay vào đó có thể chọn việc có tính va chạm với xã hội để có cái nhìn đa dạng về ngành nghề. Nếu được trải nghiệm những công việc và vị trí khác nhau sẽ giúp bản thân hiểu rõ hơn về nghề nghiệp và khả năng của bản thân. Điều này sẽ giúp học sinh điều chỉnh định hướng nghề trong tương lai một cách tốt nhất.

c) Một số ngành nghề được đào tạo ở các trường nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Quảng Ngãi

– Trên địa bàn Quảng Ngãi hiện có 20 trường nghề và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Về công tác định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau Trung học cơ sở và Trung học phổ thông ngày càng được xã hội quan tâm. Vì vậy mà số lượng học sinh đăng kí xét tuyển vào học bậc Trung cấp và Cao đẳng ngày càng nhiều, năm sau cao hơn năm trước. Học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường có cơ hội việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tại các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh và khu vực hoặc tự tạo việc làm để nuôi sống bản thân.

– Hiện nay các trường nghề tại Quảng Ngãi tuyển sinh, đào tạo nhiều ngành nghề chủ yếu với hệ Trung cấp và Cao đẳng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu về thị trường lao động trong tỉnh. Các ngành nghề được đào tạo với thời gian từ 02 năm đến 03 năm, phụ thuộc vào học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở hay Trung học phổ thông.

– Một số ngành nghề được đào tạo ở các trường nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Quảng Ngãi:

+ Hệ Cao đẳng gồm các ngành nghề: Cắt gọt kim loại; Bảo trì thiết bị cơ điện; Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí; Công nghệ ô tô; Công nghệ thực phẩm; Điện công nghiệp; Hàn; Công nghệ kĩ thuật cơ khí; Công nghệ may; Vận hành thiết bị chế biến dầu khí;...

+ Hệ Trung cấp gồm các ngành nghề: Hàn; Công nghệ kĩ thuật cơ khí; Công nghệ ô tô; Điện công nghiệp; Cơ điện tử; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Tin học văn phòng; Kĩ thuật Sửa chữa & Lắp ráp máy tính phòng; May thời trang; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Cắt gọt kim loại; Vận hành máy thi công mặt đường; Kĩ thuật máy lạnh và điều hoà không khí; Tự động hoá công nghiệp; Cơ điện tử;...



Hình 5.1. Hoạt động thực hành ngành vận hành sửa chữa thiết bị lạnh



Hình 5.2. Hoạt động thực hành ngành may thời trang



Hình 5.3. Hoạt động thực hành ngành bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí



Hình 5.4. Hoạt động thực hành ngành công nghệ thông tin

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được chủ trương, chính sách của tỉnh Quảng Ngãi đối với hoạt động đền ơn đáp nghĩa.
- Trình bày được kết quả, ý nghĩa của một số hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhận xét, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa.
- Thực hiện được những việc làm phù hợp góp phần giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp của hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở nơi cư trú.



MỞ ĐẦU

Trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước nói chung tỉnh Quảng Ngãi nói riêng, có biết bao lớp người đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của quê hương, đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân. Thẩm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Thương binh, bệnh binh, gia đình quân nhân và gia đình liệt sĩ là những người có công với Tổ quốc, với nhân dân. Cho nên bốn phận chúng ta là phải biết ơn, phải yêu thương và giúp đỡ họ”, tỉnh Quảng Ngãi đặc biệt quan tâm đến hoạt động đền ơn đáp nghĩa bằng những việc làm thiết thực, với nhiều hình thức phong phú, sáng tạo,... Đền ơn đáp nghĩa đã trở thành nét đẹp văn hoá trong đời sống tinh thần của người dân Quảng Ngãi; như mạch nguồn nối liền quá khứ với hiện tại và tương lai trên mảnh đất giàu truyền thống anh hùng.



Hãy kể tên một số hoạt động đền ơn đáp nghĩa được tổ chức tại địa phương của em và cho biết em đã tham gia hoạt động nào? Chia sẻ những việc em đã làm và kết quả, ý nghĩa của những việc làm đó.



1. Chủ trương, chính sách của tỉnh Quảng Ngãi đối với hoạt động đền ơn đáp nghĩa

Em có biết?

Tính đến năm 2024, tỉnh Quảng Ngãi hiện có trên 181.000 người có công với cách mạng với hơn 37.400 liệt sĩ, 785 cán bộ Lão thành cách mạng, 726 cán bộ Tiền khởi nghĩa, 25.087 thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, 5.170 bệnh binh, 10.253 người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy, 37.781 người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến, 5.868 người tham gia kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hoá học... Hiện còn hơn 34.000 lượt người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng...

(Nguồn: https://www.quangngai.dcs.vn/tin-oc-nhieu/-/asset_publisher/9F2li5r5FPQI/content/quang-ngai-voi-cong-tac-en-on-ap-nghia-)

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong các kì Đại hội của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã chủ trương thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và đặc biệt quan tâm đến hoạt động đền ơn đáp nghĩa, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng; thường xuyên chỉ đạo các cấp uỷ, chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động tri ân trong Ngày thương binh – liệt sĩ (27/7), Tết nguyên đán và các ngày lễ lớn của đất nước, của Tỉnh.

– Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người có công ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người có công gặp khó khăn trong cuộc sống; có chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục – đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội.

– Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn xác lập hồ sơ xác nhận, giải quyết hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người tham gia kháng chiến và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

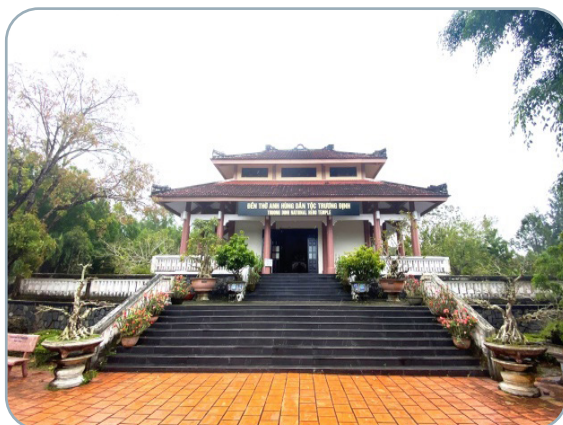
– Thực hiện tốt công tác quản lý, chi trả trợ cấp ưu đãi, quà tặng vào dịp ngày Lễ, Tết cho người có công và thân nhân của họ đảm bảo nguyên tắc chi đúng, chi đủ, kịp thời, tận tay người được hưởng trợ cấp.

– Tiếp tục tổ chức vận động đóng góp ủng hộ xây dựng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” ở các cấp; Ban hành chính sách hỗ trợ, chăm sóc, phụng dưỡng các “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” để các mẹ được quan tâm, chăm sóc có cuộc sống tốt hơn; vận động nhận đỡ đầu chăm sóc thương binh, thân nhân liệt sỹ neo đơn đặc biệt khó khăn để ổn định, vươn lên trong cuộc sống. Tổ chức gặp mặt, động viên, thăm hỏi, tặng quà gia đình người có công nhân kỷ niệm ngày Thương binh – Liệt sỹ; huy động các nguồn lực để hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

– Thu thập thông tin, khảo sát, phát hiện, tổ chức quy tập hài cốt liệt sỹ; tôn tạo, nâng cấp, sửa chữa phần mộ liệt sỹ, đài/đền tưởng niệm liệt sỹ, nghĩa trang liệt sỹ (gọi chung là công trình ghi công liệt sỹ). Huy động và giao cho đoàn viên, thanh niên, học sinh nhận chăm sóc các công trình ghi công liệt sỹ, tổ chức thắp nến tri ân liệt sỹ tại các nghĩa trang liệt sỹ vào dịp ngày Lễ, Tết. Hoàn thành cơ bản việc giải quyết tồn đọng trong thực hiện chính sách người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sỹ; tiếp tục ưu tiên bố trí kinh phí xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sỹ, nghĩa trang liệt sỹ, các công trình ghi công liệt sỹ trên địa bàn tỉnh.

– Tổ chức điều dưỡng cho người có công và thân nhân; thương binh, bệnh binh bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; chăm sóc các đồng chí cách mạng lão thành, tiền khởi nghĩa, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và các đối tượng chính sách khác.

– Cùng với đó, tỉnh chỉ đạo ngành giáo dục xây dựng chương trình, lồng ghép hoạt động đền ơn đáp nghĩa vào chương trình giáo dục, góp phần xây dựng văn hoá con người Quảng Ngãi trong giai đoạn mới.



Hình 6.1. Đền thờ Trương Định ở xã Tịnh Khê (thành phố Quảng Ngãi)



Hình 6.2. Lễ dâng hương tại Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Quảng Ngãi

Phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", tỉnh Quảng Ngãi đã đẩy mạnh, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh được chăm lo toàn diện cả về vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng và phát triển con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Qua đó, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.



Đọc thông tin, quan sát hình 6.1 và hình 6.2, em hãy nêu chủ trương, chính sách của tỉnh Quảng Ngãi đối với hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

2.2. Một số hoạt động đền ơn đáp nghĩa tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi

Từ sau năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền địa phương, nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ra sức xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Đồng thời, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể, các đơn vị quân đội, công an, tổ chức kinh tế – xã hội trong tỉnh luôn quan tâm, thường xuyên chỉ đạo, thực hiện đẩy mạnh phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đạt được những kết quả to lớn và có ý nghĩa thiết thực.

– Công tác khảo sát, phát hiện, tổ chức quy tập hài cốt liệt sỹ được Tỉnh thực hiện xuyên suốt và mang lại những kết quả to lớn. Chỉ tính riêng, từ năm 2014 – 2023, Tỉnh đã quy tập được 525 hài cốt liệt sỹ về các nghĩa trang liệt sỹ trong tỉnh. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hiện nay có 117 nghĩa trang liệt sỹ với 29 000 phần mộ. Công tác chỉnh trang Nghĩa trang Liệt sỹ và phần mộ liệt sỹ được thực hiện hàng năm. Chỉ tính năm 2024, tỉnh hoàn thành thủ tục, tiến hành nâng cấp hơn 2.141 phần mộ liệt sỹ, sửa chữa nâng cấp 05 Nghĩa trang Liệt sỹ với kinh phí hơn 18 tỷ đồng. Sự nghiêm trang của các Nghĩa trang Liệt sỹ đã thể hiện lòng tri ân, thành kính, khắc ghi của nhân dân trong tỉnh đối với những cống hiến, hi sinh của các thế hệ đi trước. Qua đó, nhân dân hiểu rõ hơn giá trị của hoà bình; không ngừng nỗ lực, ra sức xây dựng tỉnh Quảng Ngãi ngày càng giàu đẹp, văn minh.



Hình 6.3. Đoàn viên, thanh niên trong tỉnh chăm sóc và viếng hương nghĩa trang liệt sỹ

– Quá trình xây dựng “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” được các cấp chính quyền, các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân trong tỉnh tích cực hưởng ứng. Từ năm 2012 đến năm 2023, các tổ chức, cá nhân đã đóng góp vào Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” của

Tỉnh trên 12 tỷ đồng. Qua đó, Tỉnh đã hỗ trợ sửa chữa và xây mới nhà ở cho người có công; nhiều công trình ghi công liệt sỹ được nâng cấp, tôn tạo; hàng trăm lượt người có công và thân nhân được thăm hỏi động viên mỗi dịp lễ, tết và những lúc khó khăn,... thể hiện sự biết ơn sâu sắc của nhân dân; khơi dậy tinh thần yêu nước, đoàn kết; là niềm vinh dự, tự hào và trách nhiệm của mỗi công dân; góp phần thực hiện có hiệu quả phong trào đền ơn đáp nghĩa.



Hình 6.4. Tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp, ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2023

– Thăm hỏi, chăm sóc, hỗ trợ, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng được các cơ quan, đơn vị, cá nhân nhận phụng dưỡng đến suốt đời với mức phụng dưỡng ngày càng tăng, từ 500.000 đồng – 1.000.000 đồng/tháng (năm 2020) lên từ 3.000.000 đồng – 5.000.000 đồng/tháng/mẹ (năm 2024). Sự quan tâm chăm sóc từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã làm dịu nỗi đau thương và mất mát, giúp các Mẹ thêm ấm lòng; đồng thời vinh danh những cống hiến, những hy sinh thầm lặng, cao cả, thiêng liêng của các anh hùng liệt sỹ, các Mẹ vì độc lập tự do; tô thắm thêm truyền thống tốt đẹp của quê hương.



Hình 6.5. Cán bộ, chiến sỹ Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Quảng Ngãi thăm Mẹ Việt Nam Anh hùng Trần Thị Tròn (xã Tịnh Hoà, thành phố Quảng Ngãi)



Hình 6.6. Lãnh đạo tỉnh thăm hỏi và trao quà Tết cho Người có công tại Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh

– Phong trào xây nhà ở cho người có công được đẩy mạnh nhằm tạo điều kiện cho các gia đình người có công với cách mạng có chỗ ở ổn định, yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, giúp họ giảm bớt những khó khăn, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội ở địa phương, đồng thời nâng cao nhận thức của toàn xã hội, tạo niềm tin sâu sắc vào hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Bên cạnh đó, hàng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức các đợt điều dưỡng cho người có công. Chỉ tính riêng năm 2023, ngành Lao động – Thương binh và Xã hội đã thực hiện điều dưỡng cho hơn 17,5 nghìn lượt người có công với tổng kinh phí gần 29 tỷ đồng; tiếp tục thẩm định hồ sơ, giải quyết cho 2 274 trường hợp hưởng chế độ trợ cấp chính sách người có công theo quy định. Qua đó, chăm sóc sức khỏe, an ủi tinh thần, kịp thời hỗ trợ, động viên họ vươn lên trong cuộc sống.



Hình 6.7. Lễ công bố hoàn thành hỗ trợ, sửa chữa nhà ở cho Người có công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

– Hằng năm, vào Ngày Thương binh – Liệt sỹ và Tết Nguyên đán, tuổi trẻ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức vệ sinh, thắp nến tri ân, có hàng triệu ngọn nến được thắp lên tại các Nghĩa trang liệt sỹ, các đài tưởng niệm, bia tưởng niệm liệt sỹ trên toàn tỉnh, đó là hành động thiết thực thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của người dân Quảng Ngãi. Giáo dục thế hệ trẻ lòng yêu nước; những giá trị tốt đẹp của quê hương; truyền thống cách mạng của cha ông; khơi dậy niềm tự hào, lòng biết ơn,... Từ đó, giúp thế hệ trẻ thấu hiểu trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng; giúp thế hệ trẻ vươn lên, đóng góp công sức cho công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương.

– Cũng trong những ngày này, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà, động viên thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng và thân nhân gia đình liệt sỹ đã cống hiến, hy sinh vì nền độc lập, tự do của dân tộc. Đây cũng là hoạt động có ý nghĩa nhân văn, thể hiện sự quan tâm, thấu hiểu sâu sắc của Đảng bộ tỉnh và chính quyền các cấp trong công tác đền ơn đáp nghĩa.



Hình 6.8. Lễ thắp nến tri ân tại Nghĩa trang Liệt sỹ phường Quảng Phú (thành phố Quảng Ngãi)

– Hoạt động đền ơn đáp nghĩa cũng được ngành giáo dục thực hiện việc biên soạn tài liệu, tổ chức dạy học, lồng ghép vào các hoạt động giáo dục nhằm giáo dục, củng cố lòng biết ơn, đạo lý uống nước nhớ nguồn trong học sinh như một phần quan trọng trong giáo dục văn hoá và con người Quảng Ngãi ở thời kỳ mới.



Hình 6.9. Học sinh trường Mầm non Tịnh Đông (huyện Sơn Tịnh) viếng hương tại Nghĩa trang Liệt sỹ Xã trong Hoạt động trải nghiệm “Một ngày làm chiến sỹ”

– Bên cạnh những hoạt động trên, tỉnh Quảng Ngãi cũng quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, chú trọng những trường hợp nặng, chăm sóc bố mẹ liệt sỹ già yếu neo đơn, con liệt sỹ mồ côi; tổ chức mô hình “Bữa sáng yêu thương”... với những hành động ấm áp, nghĩa tình. Đền ơn đáp nghĩa ở tỉnh Quảng Ngãi còn thể hiện qua chăm sóc ông bà, cha mẹ, những người hỗ trợ, giúp đỡ chúng ta trong cuộc sống thường ngày.

Những hoạt động trên đã huy động được sức mạnh của cả cộng đồng, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước, giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh, giữa người với người, làm hoàn thiện nhân cách con người; xây dựng một môi trường sống tích cực. Qua đó, góp phần xây dựng và phát triển văn hoá, con người Quảng Ngãi. Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa nhất định củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân trong tỉnh vào Đảng, Nhà nước; củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương Quảng Ngãi vững mạnh, củng cố khối đoàn kết dân tộc và bảo vệ vững chắc chủ quyền, biển đảo quê hương.



Đọc thông tin, quan sát hình 6.3 đến hình 6.9 và cho biết: một số hoạt động trong phong trào đền ơn đáp nghĩa ở tỉnh Quảng Ngãi. Những hoạt động đó có ý nghĩa gì?



LUYỆN TẬP

1. Em tán thành quan điểm, hành vi nào dưới đây? Vì sao?

Quan điểm, hành vi	Nên làm	Không nên làm	Giải thích nguyên nhân
– Giúp đỡ thương binh, bệnh binh ở địa phương em.	...	...	...
– Vẽ dấu ấn cá nhân lên đài tưởng niệm, bia mộ liệt sỹ,...			
– Tham gia hoạt động thấp nền tri ân			
– Tham gia dọn vệ sinh ở nghĩa trang liệt sỹ.			
– Đền ơn đáp nghĩa là trách nhiệm của nhà nước.			
...			

2. Từ bài tập 1, em rút ra bài học gì cho bản thân về hoạt động đền ơn đáp nghĩa?



VẬN DỤNG

Viết một đoạn văn khoảng 300 từ giới thiệu về một người con của quê hương Quảng Ngãi đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng quê hương. Từ đó, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

CHỦ ĐỀ 7

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được khái niệm và các lĩnh vực của công nghệ sinh học.
- Trình bày được tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp.
- Giới thiệu được một số ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp ở Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Nông nghiệp công nghệ cao là nền nông nghiệp có sự kết hợp giữa nông nghiệp truyền thống cùng với áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến. Tại Quảng Ngãi, trong những năm qua, việc ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp đã mang lại hiệu quả rõ rệt, sản lượng và năng suất cây trồng, vật nuôi có bước phát triển khá, từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững; góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân.



Hình 7.1. Các mặt hàng nông sản ứng dụng công nghệ cao tại Hội chợ triển lãm sản phẩm OCOP Quảng Ngãi năm 2023



Kể tên các sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi.



1.1. Tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp

a) Công nghệ sinh học là gì?

Công nghệ sinh học là một lĩnh vực công nghệ cao dựa trên nền tảng khoa học về sự sống, kết hợp với quy trình và thiết bị kỹ thuật nhằm tạo ra các công nghệ khai thác các hoạt động sống của vi sinh vật, tế bào thực vật và động vật để sản xuất ở quy mô công nghiệp các sản phẩm sinh học có chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ môi trường¹.

Công nghệ sinh học trong nông nghiệp gồm ba lĩnh vực chính là:

- Nhân giống vô tính cây trồng, vật nuôi và chuyển gen mang những đặc điểm nông – sinh quý giá mà các phương pháp truyền thống không tạo ra được.
- Các chế phẩm sinh học dùng trong bảo vệ cây trồng, vật nuôi như: vaccine, thuốc trừ sâu bệnh và phân bón vi sinh.
- Công nghệ bảo quản và chế biến nông – hải sản bằng các chế phẩm vi sinh và enzyme. Giá trị nông sản được nâng lên nhiều lần và quy trình công nghệ đi kèm trang thiết bị là một dạng hàng hóa trong kinh doanh chuyển giao công nghệ.

Ngoài ra còn có một số lĩnh vực như: Công nghệ sinh học chế biến thực phẩm, công nghệ sản xuất các loại thức ăn bổ sung cho chăn nuôi (kháng sinh mới...), các loại thuốc trừ sâu, diệt cỏ với tính đặc hiệu tăng lên (các sản phẩm Bt, các baculovirus, tuyến trùng ký sinh,...).

b) Tầm quan trọng của công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp

Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tạo ra những sản phẩm vật nuôi, cây trồng và nhiều sản phẩm chế biến nông nghiệp mới có năng suất cao, chất lượng tốt, an toàn mang lại hiệu quả kinh tế, hạn chế ô nhiễm môi trường, đáp ứng yêu cầu thị trường, góp phần phát triển kinh tế – xã hội nhanh, bền vững.

Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học góp phần phát triển sản phẩm chủ lực, đặc trưng, mang tính bền vững như tạo ra các loại thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, phát triển vaccine, các chế phẩm sinh học sử dụng trong nông nghiệp, thức ăn cho chăn nuôi thủy sản,...

Công nghệ sinh học còn được ứng dụng để sản xuất phân hữu cơ vi sinh, đáp

(1) Theo Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường hướng tới nền nông nghiệp xanh sạch, giúp thúc đẩy phát triển sản xuất phân bón theo công nghệ mới, chất lượng cao với giá thành hợp lý phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch, bảo vệ môi trường sinh thái.



Hãy cho biết các lĩnh vực của công nghệ sinh học đã được ứng dụng trong phát triển nông nghiệp tại địa phương em.

2. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong nông nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi

a) Trồng trọt – Bảo vệ thực vật

Trung tâm Giống của tỉnh đã chọn tạo được 5 giống lúa (QNg6, QNg13, QNg128, ĐH815-6 và ĐH99-81) có năng suất cao, chất lượng gạo tốt, cơm ngon bằng phương pháp lai hữu tính và đã được cấp bằng bảo hộ giống cây trồng. Một số xã thuộc huyện Nghĩa Hành đã tiến hành ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao và hình thành chuỗi giá trị sản xuất tiêu thụ lúa gạo, nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp và người dân.

Kỹ thuật chiết, ghép, giâm cành các cây mẹ dòng được ứng dụng trên nhiều loại cây ăn quả như: bưởi, chôm chôm, mít, xoài, sầu riêng,... tạo vùng trồng cây ăn quả tập trung, làm cơ sở cho việc thay đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá, góp phần tăng thu nhập cho nhân dân địa phương. Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh đã đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở nuôi cấy mô sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, với sản phẩm chủ yếu là nhân giống cây keo lai.

Kết quả bước đầu được đánh giá tốt, có tính khả thi cao, mang lại hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.



Hình 7.2. Các giống lúa mới QNg6, QNg13, QNg128 của Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi



Hình 7.3. Một số sản phẩm cây ăn quả chủ lực của huyện Nghĩa Hành như: chôm chôm, sầu riêng, bưởi da xanh

Cây trồng biến đổi gen cũng đã được ứng dụng vào sản xuất, như các giống ngô biến đổi gen kháng sâu đục thân, kháng sâu bộ Cánh Vảy.

Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất meo giống và nuôi trồng loại nấm ăn, nấm dược liệu trong thời gian qua cũng đạt được nhiều kết quả triển vọng.

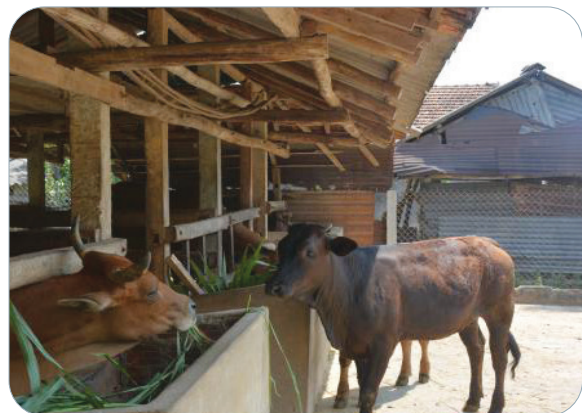


Hình 7.4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo tại Quảng Ngãi

Trong lĩnh vực trồng trọt đã ứng dụng các chế phẩm sinh học như phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong chăm sóc và bảo vệ cây trồng góp phần cải thiện và bảo vệ môi trường, tăng phì nhiêu cho đất, đảm bảo an toàn thực phẩm cho con người và vật nuôi.

b) Chăn nuôi – Thú y

Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện nhiều dự án cải tạo đàn bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo từ các giống bò chuyên thịt, có năng suất và chất lượng cao nhằm tạo ra đàn bò lai tầm vóc lớn đem lại hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi. Ngoài ra, đã chuyển giao thành công tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi dê lai trên địa bàn vùng núi huyện Ba Tơ cho người dân và đem lại hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân khá rõ nét.



Hình 7.5. Các giống bò lai được nhiều hộ chăn nuôi bò ở huyện Sơn Tịnh chọn phối giống



Công thức lên men thức ăn chăn nuôi được chuyển giao cho người nông dân thông qua các lớp tập huấn, các mô hình khuyến nông như ủ chua thức ăn cho heo, ủ chua bảo quản thức ăn cho trâu bò.

Thực hiện công tác bảo tồn 02 giống vật nuôi bản địa đó là gà Hrê và heo Kiềng Sắt.

Hình 7.6. Đàn heo Kiềng Sắt ở xã Ba Thành, huyện Ba Tơ

c) Lâm nghiệp

Chi cục Kiểm lâm tỉnh đã hoàn thành tuyển chọn, lưu trữ và bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng với tổng diện tích rừng giống trồng bảo tồn là 10 ha và cây sinh trưởng khá tốt. Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín đã thực hiện thành công đề tài “Ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất cây keo lai nuôi cấy mô phục vụ trồng rừng tại tỉnh Quảng Ngãi”. Giống keo lai mô được sản xuất bằng kỹ thuật nuôi cấy mô đem lại lợi nhuận kinh tế cho người dân với giá cao gấp 2,5 lần loại giâm hom.



Hình 7.7. Giống keo lai sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô tại Quảng Ngãi

d) Nuôi trồng thủy sản

Quảng Ngãi đã ứng dụng kỹ thuật công nghệ sinh học vào sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản. Nổi bật như: kỹ thuật sản xuất giống cá rô phi, kỹ thuật sản xuất ốc hương giống, kỹ thuật sản xuất lươn giống bán nhân tạo, kỹ thuật ương thành công giống lươn nuôi không bùn,... Kết quả, đã tạo ra con giống đạt chất lượng, mạnh khỏe, phù hợp với môi trường sống, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Triển khai hiệu quả một số mô hình nuôi trồng thủy sản có ứng dụng công nghệ sinh học như: nuôi tôm an toàn trong vùng dịch bệnh sử dụng nước cấp từ ao nuôi cá rô phi; nuôi tôm hạn chế dịch bệnh; mô hình sử dụng chế phẩm sinh học trong suốt quá trình nuôi để điều hòa và kiểm soát hệ vi sinh vật trong ao; nuôi ghép tôm – cá diêu, tôm – cá đối, hải sâm – ốc hương,... nhằm giảm sự tích tụ chất thải gây ô nhiễm môi trường, hạn chế dịch bệnh phát sinh trong ao nuôi, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế khi nuôi trồng các loài thủy sản.



Em hãy nêu những lợi ích của ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi.

Em có biết?

Mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tập trung phần đầu đưa Quảng Ngãi trở thành tỉnh có công nghệ sinh học phát triển, có sản xuất và dịch vụ thông minh về công nghệ sinh học tiên tiến trong khu vực và cả nước; có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất, tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Phân đầu đến năm 2045 công nghiệp sinh học đóng góp 10 - 15% vào GRDP của tỉnh (*Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 21/3/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi*).



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bài tập sau về kết quả ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp tại Quảng Ngãi.

Lĩnh vực	Những kết quả đạt được
Trồng trọt – Bảo vệ thực vật	
Chăn nuôi – Thú y	
Lâm nghiệp	
Nuôi trồng thủy sản	

2. Em hãy cho biết những thuận lợi và thách thức khi ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển nông nghiệp tại Quảng Ngãi.



VẬN DỤNG

Dựa vào kiến thức đã học và sự hiểu biết của bản thân, em hãy lên ý tưởng thực hiện một dự án ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương em sinh sống.

BAN BIÊN SOẠN
TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Ngọc Thái	Trưởng ban
2	Vũ Thị Liên Hương	Phó Trưởng ban
3	Lê Tấn Cúc	Thành viên
4	Nguyễn Thị Trâm Châu	Thành viên
5	Trần Ngọc Đẩu	Thành viên
6	Nguyễn Đước	Thành viên
7	Bùi Thị Hạnh	Thành viên
8	Huỳnh Nguyên Huy	Thành viên
9	Trương Thị Thu Hường	Thành viên
10	Võ Thị Thuý Nga	Thành viên
11	Lê Văn Lợi	Thành viên
12	Trần Thị Phúc Nguyên	Thành viên
13	Trần Thị Kim Phượng	Thành viên

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
14	Huỳnh Tấn Phiền	Thành viên
15	Huỳnh Trung Sơn	Thành viên
16	Ngô Văn Tâm	Thành viên
17	Nguyễn Văn Tươi	Thành viên
18	Võ Thị Mộng Tuyền	Thành viên
19	Lê Thị Nhật Thảo	Thành viên
20	Ngô Thị Phương Thảo	Thành viên
21	Hà Tấn Thọ	Thành viên
22	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Thành viên
23	Huỳnh Thị Thu Thủy	Thành viên
24	Nguyễn Thị Minh Thư	Thành viên
25	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Thành viên
26	Bùi Văn Vàng	Thành viên
27	Nguyễn Đắc Vương	Thành viên

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Trang	Nguồn
1.1	6	
1.2	7	
1.3	8	
1.4	9	
1.5	10	
1.6 – 1.8	11	
1.9 – 1.10	12	
1.11 – 1.13	13	
2.1 – 2.2	15	
2.3 – 2.6	17	
2.7	18	
2.8	19	
2.9	20	
2.10 – 2.11	22	

Hình	Trang	Nguồn
4.1 – 4.2	35	
4.3 – 4.6	38	
5.1, 5.2, 5.4	44	Phan Phú Quý
5.3	44	Nguyễn Tấn Tại
6.1 – 6.2	47	
6.3 – 6.4	49	
6.5 – 6.7	50	
6.8	51	
6.9	52	
7.1	54	
7.2 – 7.3	56	
7.4 – 7.5	57	
7.6 – 7.7	58	
Ảnh bìa		Nguyễn Tấn Phát

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI LỚP 9

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp
9

